

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2022/HS-ST
Ngày 15 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đường Ngọc Đại và ông Nguyễn Xuân Thịnh;

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2022/TLST - HS ngày 25 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1961; địa chỉ: TDP X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Giới tính nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 07/10; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1994. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt.

2. Họ và tên: Hoàng Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/10; con ông Hoàng Văn X (đã chết) và con bà Ngô Thị Q (đã chết); có chồng (đã chết) và 02 con, lớn sinh năm 1985; nhỏ sinh năm 1988. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt.

*** Người bị hại:**

Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại H;

Địa chỉ trụ sở: Đường N, Khu P I, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu PI, xã N, T.P N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Nguyễn Xuân B, sinh năm 1982, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1964, vắng mặt;
- Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1980, vắng mặt;
- Ông Ngô Văn V (tên khác: Ngô Văn G), sinh năm 1970, có đơn xin xét vắng mặt;

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

* Người làm chứng:

- Anh Đỗ Minh L, sinh năm 1985, có mặt;
- Anh Trần Thanh L, sinh năm 1971, có mặt;
- Ông Đỗ Đắc T, sinh năm 1968, vắng mặt;
- Anh Phan Tiến Đ, sinh năm 1983, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 25/3/2019, Hoàng Thị M đi từ nhà riêng ra công trường xây dựng khu đô thị TMS thuộc phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc gặp Nguyễn Ngọc P là nhân viên bảo vệ tại công trường xây dựng khu đô thị TMS. Khi gặp P thì M xin và được P đồng ý cho M nhặt sắt vụn, đầu mẩu sắt để bán, khi M đang nhặt sắt vụn thì P nảy sinh ý định trộm cắp. Nên P nói với M không nhặt sắt vụn nữa mà trộm cắp ống chân giáo, cột chống, tay giằng giáo của công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại H để ở gần đó đem bán lấy tiền chia nhau thì M đồng ý. Nguyễn Ngọc P chỉ vị trí cho M trộm cắp ống chân giáo, cột chống, tay giằng giáo đang xếp gọn ở gần đó, sau đó P gọi điện thoại rủ cháu họ là Nguyễn Xuân B, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc đi trộm cắp cùng. Khoảng 15 phút sau thì B điều khiển xe mô tô BKS 30Z3-5238 kéo theo xe lôi (loại xe cải tiến tự chế) đến công trường TMS gặp P và M. Tại đây, P, B và M cùng nhau trộm cắp tài sản gồm các loại ống chân giáo, cột chống, tay giằng giáo tại vị trí phía trước khu nhà từ lô 26.1 đến lô 26.7 trong công trường khu đô thị TMS của công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại H đang xây dựng. Khi M, B và P đang trộm cắp sắt thì có một nam thanh niên người dân tộc (M, B và P khai nhận chỉ biết là người dân tộc, không rõ tên tuổi địa chỉ), cũng đi đến và tham gia nhặt sắt xếp lên xe lôi cùng P, M và B. Do lượng sắt nhiều, nên P, M và B có dùng 04 chiếc ống sắt giàn giáo cắm vào 04 góc xe lôi để xếp cho được nhiều. Sau khi trộm cắp và xếp đầy sắt trộm cắp được lên xe lôi, thì B điều khiển xe mô tô kéo theo xe lôi chở sắt, còn M và người thanh niên dân tộc đi xe đạp điện phía sau xe chở sắt về cất giấu tại sân nhà anh Nguyễn Xuân N là anh trai của B; tại tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. B, M và người thanh niên dân tộc chuyển sắt từ xe lôi vào sân nhà anh N, (Thời điểm B và M cất giấu sắt thì cổng nhà anh N không khóa, anh N không có mặt ở nhà). Sau khi cất giấu số sắt đã trộm cắp được, B tiếp tục điều khiển xe máy kéo theo sau xe lôi, còn người thanh niên dân tộc đi xe đạp điện chở M đi phía sau, rồi cả bọn tiếp tục đi đến công trường TMS để

trộm cắp sắt. Khi đến công trường TMS thì B và M tiếp tục nhặt sắt tại khu vực thuộc vị trí công khu đô thị TMS khoảng 30m xếp lên xe lôi. B và M nhặt xếp được số sắt đầy đến mép thành xe lôi, thì P bảo không nhặt nữa vì lấy nhiều quá sợ lộ nên M và B dừng lại. Sau đó, M đi về nhà mình ở phường H, thành phố P để ngủ, P vào lán bảo vệ ngủ còn B một mình điều khiển xe máy kéo theo xe lôi mang số sắt trộm cắp được lần hai về cất giấu tại sân nhà anh N. Đến rạng sáng ngày 26/3/2019, B đi bộ một mình sang nhà anh N, tại đây B không gặp ai, do lo sợ số giàn giáo để ở sân nhà anh N nhiều dễ bị lộ nên B một mình vác giàn giáo vứt một phần sang vườn nhà ông Nguyễn Quang T, một phần mang sang để ở cổng, tường rào nhà ông Ngô Văn V (là hàng xóm cạnh nhà anh N), để chờ thời cơ thuận lợi mang đi bán lấy tiền chia nhau. Sau khi cất giấu giàn giáo xong, B gọi điện cho Nguyễn Ngọc P và rủ P đi ăn sáng, tại quán ăn sáng B đưa cho P số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) và nói với P cầm trước số tiền này đưa trước cho M một ít, sau này bán sắt xong sẽ đưa thêm thì P đồng ý. Ăn sáng với B xong thì P đi về công trường khu đô thị TMS để làm công việc bảo vệ, tại đây P gặp M và đưa cho M số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng M không nhận.

Sáng ngày 26/3/2019, anh Đỗ Minh L là chỉ huy trưởng công trình xây dựng khu đô thị TMS, phát hiện công trường bị kẻ gian trộm cắp tài sản như trên nên đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

* Về thu giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng

Thu giữ tại vườn nhà ông Nguyễn Quang T và cổng tường rào nhà ông Ngô Văn V và sân nhà anh Nguyễn Xuân N tổng cộng 887,8 kg sắt gồm: chân giàn giáo, thanh giằng ngang giàn giáo, hộp sắt kim loại hình chữ nhật các kích cỡ. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại H. Cơ quan điều tra đã trả lại cho người đại diện theo ủy quyền của công ty, bà Phạm Thị N đã nhận lại đủ tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Thu giữ của Nguyễn Ngọc P số tiền 300.000đồng là tiền của B đã đưa cho P. Hiện tại B đã bỏ trốn khỏi địa phương, do vậy cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xử lý sau.

Thu giữ của Hoàng Thị M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2690, thu của Nguyễn Xuân B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5 và của 01 xe lôi tự chế bằng kim loại đã qua sử dụng; thu của Nguyễn Ngọc P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng. Tất cả được chuyển sang Chi cục thi hành án Phúc Yên chờ xử lý.

Về chiếc xe máy BKS 30Z3-5238 là tài sản của Nguyễn Xuân B, B sử dụng làm P tiện trộm cắp tài sản ngày 25/3/2019. Quá trình điều tra B khai đã bán cho một người không quen biết, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe này.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐGTS ngày 21/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Phúc Yên kết luận: Giá trị tài sản 887,8kg sắt giàn giáo trị giá 6.214.600đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Xuân B đã bỏ trốn không có mặt tại địa phương. Ngày 25/3/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên ra quyết định khởi tố bị can đối với B về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Ngày 18/4/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên ra quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi trộm cắp của Nguyễn Xuân B. Ngày 20/4/2022 Công an thành phố Phúc Yên đã ra quyết định truy nã đối với B.

Ngoài ra P, M và B còn khai cùng trộm cắp tài sản ngày 25/3/2019 còn có nam thanh niên người dân tộc đi xe đạp điện. Quá trình điều tra chưa xác minh làm rõ được nhân thân, địa chỉ; tiếp tục điều tra làm rõ;

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P và M hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 39/CT - VKSPY ngày 23 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo P và M về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với các bị cáo; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình; xử phạt bị cáo P từ 09 tháng đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 tháng 20 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo M từ 07 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 14 tháng 16 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; đề nghị xử lý vật chứng như cáo trạng, bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo P và M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ trộm cắp, Bản ảnh hiện trường, Kết luận giám định, Biên bản giao nhận đồ vật, Biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 00 ngày 25/3/2021 tại khu vực khu nhà từ lô 26.1 đến 26.7 ở khu đô thị TMS Phúc Yên thuộc phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Xuân B và Hoàng Thị M đã có hành vi trộm cắp 887,8 kg sắt chân giàn giáo, thanh giằng ngang giàn giáo, hộp sắt kim loại hình chữ nhật của công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại H. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là: 6.214.600 đồng (Sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng). Quá trình điều tra Nguyễn Xuân B đã bỏ trốn nên cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án đối với hành vi của B và truy nã đối với B theo quy định của pháp luật.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Ngọc P và Hoàng Thị M đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Do vậy cần phải đưa ra để xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho 02 bị cáo, riêng bị cáo P còn có thời gian tham gia bộ đội và hiện tại bị cáo P đang mắc bệnh vảy nến. Nên hai bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét vai trò, vị trí và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Ngọc P mặc dù là nhân viên bảo vệ tại công trường xây dựng khu đô thị TMS, đáng lẽ bị cáo phải là người trông coi, bảo vệ tài sản nơi mình làm việc. Nhưng chỉ vì chút lòng tham, bị cáo lại thực hiện hành vi trộm cắp ống chân giáo, cột chống, tay giằng giáo của Công ty. Nên Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo P cao hơn với bị cáo M, như đề xuất của Viện kiểm sát là phù hợp.

Xét thấy hai bị cáo đã nhiều tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; hơn nữa bị cáo P lại đang bị mắc bệnh vảy nến; Hội đồng xét xử xem xét, cho hai bị cáo nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Nên không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa, các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

Tài sản hợp pháp của công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại H là 887,8 kg sắt, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty, nay không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Thu giữ của Nguyễn Ngọc P số tiền 300.000đồng là tiền của B đã đưa cho P. Hiện tại B đã bỏ trốn khỏi địa phương, do vậy cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xử lý sau là phù hợp;

Thu giữ của Hoàng Thị M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2690, không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại M nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5 và 01 xe lôi tự chế bằng kim loại của Nguyễn Xuân B và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng của Nguyễn Ngọc P, có liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Về chiếc xe máy BKS 30Z3-5238 là tài sản của Nguyễn Xuân B, B sử dụng làm P tiện trộm cắp tài sản ngày 25/3/2019. Quá trình điều tra B khai đã bán cho một người không quen biết, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Xuân B đã bỏ trốn không có mặt tại địa phương. Ngày 25/3/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Phúc Yên ra quyết định khởi tố bị can đối với B về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173. Ngày 18/4/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi trộm cắp của Nguyễn Xuân B. Ngày 20/4/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã ra quyết định truy nã đối với B là phù hợp.

[8] Nguyễn Ngọc P, Hoàng Thị M và Nguyễn Xuân B còn khai cùng trộm cắp tài sản ngày 25/3/2019 còn có nam thanh niên người dân tộc đi xe đạp điện. Quá trình điều tra chưa xác minh làm rõ được nhân thân, địa chỉ; tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc P và Hoàng Thị M phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Thị M 07 (Bảy) tháng tù; cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc P cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Giao bị cáo Hoàng Thị M cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2690, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu, bán sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng của bị cáo Nguyễn Ngọc P.

Tịch thu, bán sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5 và 01 xe ô tô tự chế bằng kim loại đã qua sử dụng của Nguyễn Xuân B.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Ngọc P và Hoàng Thị M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền

kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc
- Viện kiểm sát thành phố Phúc Yên;
- Thị hành án thành phố Phúc Yên;
- UBND phường H;
- UBND phường P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Thị Thúy